| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG NĂNG**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 7 năm 2023
*"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê, ông Lê Đăng Huấn
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 109/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Hộ khẩu ĐKTT: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đ.
Chổ ở hiện nay: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đ.
**Bị đơn:** Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn Q đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016 tại Uỷ ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk L. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên cãi vã nhau, không có tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn Q.

Về con chung: Chị H và anh Q có 02 con chung là cháu Đặng Phương N, sinh ngày 10/10/2016 và cháu Đặng Thị Hồng D, sinh ngày 01/01/2019. Hiện nay, cháu Ngân và cháu D đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên nguyện vọng của

chị H là được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nếu được nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành thì chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các buổi làm việc bị đơn anh Đặng Văn Q có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn Q và chị Nguyễn Thị H sau một thời gian tìm hiểu, được sự chấp thuận của hai bên gia đình nên chúng tôi tiến hành tổ chức đám cưới. Đến ngày 16/9/2016, chúng tôi tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đ. Quá trình chung sống thì xảy ra xung đột giữa mẹ chồng nàng dâu nên từ năm 2021 chị H đã bồng bế hai con về nhà mẹ đẻ để sinh sống. Mặc dù, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, tuy nhiên anh Q xét thấy tình cảm anh giành cho chị H vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Mặt khác, hiện nay con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người cha, người mẹ nên anh Q mong muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái trưởng thành. Do đó, anh Q không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H đưa ra.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh Q và chị H thì có 02 chung là cháu Đặng Phương N, sinh ngày 10/10/2016 và cháu Đặng Thị Hồng D, sinh ngày 01/01/2019. Hiện nay, cháu N và cháu D đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người cha, người mẹ nên anh Q mong muốn chị H suy nghĩ lại. Trong trường hợp, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau (ly hôn) thì nguyện vọng của anh Q là được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Thị Hồng D đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, giao cháu Đặng Phương N cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nếu mỗi người nuôi một cháu thì anh Q cũng không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến của mình. Do đó, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Qua xác minh tại địa phương xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không chăm lo hạnh phúc gia đình, ham chơi nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xung đột lẫn nhau. Bên cạnh đó, sau khi kết hôn chị H về nhà bố mẹ chồng để sinh sống, mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu phát sinh nên chị H đã bồng bế hai con về nhà bố mẹ đẻ của chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

- Về tố tụng: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử làm việc công khai, độc lập và điều khiển phiên tòa theo đúng Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; 71; 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55 và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với

anh Đặng Văn Q.

+ Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Hồng D, sinh ngày 01/01/2019 cho anh Đặng Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Đặng Phương N, sinh ngày 10/10/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Văn Q có hộ khẩu thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

Xét thấy tại các buổi làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Đặng Văn Q không thống nhất được toàn bộ nội dung vụ án. Tại phiên toà, bị đơn anh Đặng Văn Q mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy HĐXX, xét xử vắng mặt anh Đặng Văn Q là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn Q là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Sau một thời gian chung sống, do tính tình của vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên chị H và anh Q đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Tòa án nhân dân huyện K đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi chị H và anh Q sinh sống. Tại biên bản xác minh ngày 01 tháng 6 năm 2023, Hội phụ nữ thôn H, xã E, huyện K cung cấp như sau: Về quan hệ hôn nhân hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn Q có nhiều rạn nứt về mặt tình cảm, vợ chồng chửi bới, xúc phạm lẫn nhau. Bên cạnh đó, mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu càng khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hai vợ chồng đã quá trầm trọng, hai người không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh Q là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu D đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn anh Q có ý kiến, mong muốn chị H suy nghĩ lại. Trong trường hợp, vợ chồng không thể đoàn tụ thì nguyện vọng của anh Q là được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D và giao cháu N cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Mỗi người nuôi một cháu thì anh Q không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng của anh Q là phù hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của các cháu. Do đó, giao cháu Đặng Thị Hồng D, sinh ngày 01/01/2019 cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đồng thời, giao cháu Đặng Phương N, sinh ngày 10/10/2016 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H và anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đặng Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Phương N, sinh ngày 10/10/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Đặng Thị Hồng D, sinh ngày 01/01/2019 cho anh Đặng Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo Biên lai thu số AA/2021/0022226 ngày 24 tháng 3 năm 2023.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Phạm Minh Thuấn**

**Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Đ;*
- *VKSND tỉnh Đ;*
- *VKSND huyện K;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *UBND xã E;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*